

Cao Bằng, ngày 04 tháng 2 năm 2025

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 27

Môn: Phần A.VII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 19/01/2025

| STT | Họ và tên          | Điểm |                  | STT | Họ và tên           | Điểm |                  |
|-----|--------------------|------|------------------|-----|---------------------|------|------------------|
|     |                    | Số   | Bằng chữ         |     |                     | Số   | Bằng chữ         |
| 1   | Bế Thị Cúc         | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 35  | Lợi Luân Long       | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 2   | Hà Việt Chung      | 8,25 | Tám phẩy hai năm | 36  | Nông Thị Mây        | 8,00 | Tám              |
| 3   | Hoàng Thị Diễm     | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 37  | Đoàn Thị Minh       | 7,00 | Bảy              |
| 4   | Nông Thị Diệp      | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 38  | Bế Thị Nương        | 8,00 | Tám              |
| 5   | Hoàng Thuý Diệu    | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 39  | Luu Thu Nga         | 8,00 | Tám              |
| 6   | Lý Ích Du          | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 40  | Nông Thị Ngoan      | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 7   | Hoàng Thùy Dung    | 8,00 | Tám              | 41  | Trần Hồng Nguyên    | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm |
| 8   | Mông Thùy Dung     | 8,00 | Tám              | 42  | Đinh Thị Ánh Nguyệt | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 9   | Lục Thị Dung       | 8,00 | Tám              | 43  | Hoàng Ánh Nguyệt    | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 10  | Phùng Văn Dũng     | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 44  | Tô Minh Nguyệt      | 8,00 | Tám              |
| 11  | Ma Kiên Duy        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 45  | Hoàng Bích Nhân     | 7,00 | Bảy              |
| 12  | Hoàng Văn Duy      | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 46  | Nguyễn Thị Nhị      | 6,50 | Sáu phẩy năm     |
| 13  | Ngôn Thị Duyên     | 8,00 | Tám              | 47  | Phan Thị Như        | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 14  | Trương Văn Độ      | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 48  | Đinh Thị Oanh       | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 15  | Nông Thị Em        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 49  | Đinh Thị Ngọc Oanh  | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 16  | Trịnh Thị Hào      | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 50  | Hà Hoài Phương      | 8,00 | Tám              |
| 17  | Nông Thị Bích Hằng | 8,00 | Tám              | 51  | Phùng Thị Phương    | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 18  | Lương Thị Hiền     | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 52  | Ngọc Thị Minh Quyên | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 19  | Liêu Văn Hiệp      | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 53  | Nông Thanh Quyết    | 8,00 | Tám              |
| 20  | Đàm Thị Hiệp       | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 54  | Đàm Thị Quỳnh       | 8,25 | Tám phẩy hai năm |
| 21  | Hoàng Thị Hiếu     | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 55  | Đinh Phan Tuấn      | 8,00 | Tám              |
| 22  | Hoàng Thị Hòa      | 8,00 | Tám              | 56  | Phan Sỹ Tuấn        | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 23  | Lương Văn Hoán     | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm | 57  | Bế Văn Tuyên        | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |

| STT | Họ và tên              | Điểm |                  | STT | Họ và tên       | Điểm |                  |
|-----|------------------------|------|------------------|-----|-----------------|------|------------------|
|     |                        | Số   | Bảng chữ         |     |                 | Số   | Bảng chữ         |
| 24  | Bế Ích Hoàng           | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 58  | Đỗ Thị Tuyết    | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 25  | Triệu Văn Hội          | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 59  | Dương Văn Tường | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 26  | Nông Thị Thu Hồng      | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 60  | Nông Thị Thanh  | 8,00 | Tám              |
| 27  | Nông Văn Hợp           | 8,00 | Tám              | 61  | Hoàng Văn Thịnh | 7,25 | Bảy phẩy hai năm |
| 28  | Đinh Thị Thanh Kim Huệ | 8,00 | Tám              | 62  | Nguyễn Thị Thoa | 6,75 | Sáu phẩy bảy năm |
| 29  | Vương Thị Huệ          | 8,00 | Tám              | 63  | Hà Thị Thuận    | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 30  | Lê Thị Mỹ Huyền        | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 64  | Phan Văn Thuận  | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 31  | Dương Thị Hương        | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 65  | Phan Thị Trang  | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 32  | Linh Quang Khương      | 6,50 | Sáu phẩy năm     | 66  | Nông Thị Vinh   | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 33  | Nông Thị Thu Lê        | 6,25 | Sáu phẩy hai năm | 67  | Trần Đức Xuân   |      | Thôi học         |
| 34  | Đinh Thị Lụa           | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 68  | Lý Thị Yến      | 8,00 | Tám              |

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 07 điểm; Điểm 6,75: 07 điểm; Điểm 7,00: 02 điểm; Điểm 7,25: 04 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 13 điểm; Điểm 8,00: 18 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thu Hằng**



**Đoàn Thị Vân Thúy**




**Trịnh Thị Ánh Hoa**